

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2018/HSST
Ngày 17/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến.

Ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2018/HSST ngày 06 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định xét xử số 37/2018/QĐXXST-HS ngày 04/5/2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn HT, xã TB, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C và bà Phạm Thị T1; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Còn nhỏ được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12. Sau đó nghỉ học lao động tự do tại địa phương; bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giữ từ ngày 25/01/2018 đến ngày 28/01/2018 chuyển tạm giam, bị cáo trích xuất, có mặt tại phiên tòa.

- Những người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1964; trú tại thôn AN, xã TB, huyện T2, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

Chị Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1979; trú tại thôn AN, xã TB, huyện T2, tỉnh Thái Bình (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 17/10/2017, tại nhà của Phạm Văn H, sinh năm 1964, trú tại thôn AN, xã TB, huyện T2, tỉnh Thái Bình, có hành vi dùng nhà mình cho Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn H2, Nguyễn Đức K, Bùi Thái A1, Nguyễn Văn M và Phạm Văn T đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền để thu tiền hò. Trong lúc chơi, T cho H2 vay 500.000 đồng. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T2 phát hiện bắt quả tang, thu

giữ tại chiếu bạc tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 9.095.000 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền hồ), 52 quân bài lơ khơ; thu giữ 07 điện thoại di động, 06 xe mô tô, tiền mặt và một số giấy tờ, tài sản cá nhân khác.

Trong quá trình bắt quả tang, Phạm Văn T bỏ trốn.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 07/02/2018, Tòa án nhân dân huyện T2 đã xét xử, tuyên bố Phạm Văn H phạm tội “*Gá bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn T3, Phạm Văn H2, Nguyễn Đức K, Bùi Thái A1, Nguyễn Văn M phạm tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc nêu trên.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKSTT ngày 05/4/2018, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt bị cáo từ 05 tháng đến 07 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2018.

Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2 Điều 30 Bộ luật hình sự 1999 phạt tiền bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

Đồng thời, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2 đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T2, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 17/10/2017, Phạm Văn H đã dùng nhà của mình cho T, H1, T3, H2, K, A1, M đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền để thu tiền hồ. Trong lúc chơi, T cho H2 vay 500.000 đồng. Đến 22 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T2 phát hiện bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 9.095.000 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền hồ), 52 quân bài lơ khơ; thu giữ 07 điện thoại di động, 06 xe mô tô, tiền mặt và một số giấy tờ, tài sản cá nhân khác. Trong quá trình bắt quả tang, Phạm Văn T bỏ trốn.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau, tạo thu nhập bất hợp pháp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 9.095.000 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền hồ), riêng bị cáo T mang theo số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, trong khi chơi cho H2 vay 500.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã xác định. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Vào tối ngày 17/10/2017, bị cáo đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền, bị Công an huyện T2 phát hiện, trong quá trình bắt quả tang, bị cáo bỏ trốn. Cơ quan điều tra thu giữ số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 9.095.000 đồng (trong đó có 250.000 đồng tiền hồ), 52 quân bài lơ khơ; thu giữ 07 điện thoại di động, 06 xe mô tô, tiền mặt và một số giấy tờ, tài sản cá nhân khác. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 248 Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù ba tháng đến ba năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là ẩn họa của nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật song vẫn thực hiện, bị cáo đồng phạm với những người khác trong việc thực hiện tội đánh bạc. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Bị cáo đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền nên cần áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo khác đã bị xét xử theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T2 nên không xem xét.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo có bố để tham gia quân đội bảo vệ biên giới phía Bắc và ông nội là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

[5] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng đã được xử lý theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T2, Hội đồng xét xử không xem xét.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T2 thu giữ, quản lý: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 17B6-xxxxx và 01 đăng ký xe mô tô Yamaha Jupiter Gravita mang tên Phạm Văn T, trong cốp xe có số tiền 13.000.000đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền trên là của anh Phạm Văn T4, sinh năm 1990, trú tại thôn HT, xã TB, huyện T2, tỉnh Thái Bình không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định trả lại cho anh T4 là phù hợp. Chiếc xe máy trên do anh T4 mượn của T, anh T4 đi đến nhà Phạm Văn H mục đích để trả cho T, không liên quan đến việc đánh bạc nên cần trả lại cho Phạm Văn T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Xử phạt:

Áp dụng Khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; khoản 2 Điều 30; Điều 33; Điều 45; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2018.

Phạt bổ sung nộp một lần 3.000.000 đồng đối với Phạm Văn T để sung quỹ Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho Phạm Văn T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita màu xanh đen, gắn biển kiểm soát 17B6-xxxxx và 01 đăng ký xe mô tô Yamaha Jupiter Gravita mang tên Phạm Văn T, nhưng cần tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Thái Bình).

4. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 17/5/2018.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện T2;
- Công an huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

